681 VP

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang
Chương: 014

Biểu số 3
(Ban hành kèm theo TT 61/2017/TT-B ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2018

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**3.000.000**			
1	**Số thu phí, lệ phí**	**3.000.000**			
	Phí Thi hành án	3.000.000	0	0,0	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0**			
	Chi quản lý hành chính	0			
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**6.055.242.000**	**2.503.997.073**	41,4	
1	**Chi quản lý hành chính (loại 460- khoản 463)**	**5.583.192.000**	**2.257.178.485**	40,4	
1.1	**Kinh phí thực hiện chế đô tự chủ**	**5.049.732.000**	**2.222.178.485**	44,0	
6000	**Tiền lương**		**882.180.000**		
6001	Lương ngạch bậc		777.972.000		
6003	Lương hợp đồng dài hạn		104.208.000		
6049	Lương khác		0		
6050	**Tiền công**		**0**		
6051	Tiền công hợp đồng theo vụ việc		0		
6100	**Phụ cấp lương**		**590.718.959**		
6101	Phụ cấp chức vụ		48.880.000		
6102	Phụ cấp khu vực, thu hút		50.440.000		
6106	Phụ cấp thêm giờ		0		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6107	Phụ cấp độc hại, nguy hiểm		4.680.000		
6113	Phụ cấp trách nhiệm		168.970.100		
6115	Phụ cấp thâm niên nghề		88.974.339		
6118	Phụ cấp kiêm nhiệm		3.341.520		
6124	Phụ cấp công vụ		225.433.000		
6250	**Phúc lợi tập thể**		**192.570.000**		
6256	Tiền khám bệnh định kỳ		0		
6257	Tiền nước uống		0		
6299	Các khoản phúc lợi khác		192.570.000		
6300	**Các khoản đóng góp**		**230.549.806**		
6301	Bảo hiểm xã hội		174.261.026		
6302	Bảo hiểm y tế		30.601.031		
6303	Kinh phí công đoàn		20.400.686		
6304	Bảo hiểm thất nghiệp		1.042.080		
6349	Các khoản đóng góp khác		4.244.983		
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**1.165.600**		
6501	Thanh toán tiền điện		0		
6502	Thanh toán tiền nước		0		
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		637.600		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường		528.000		
6550	**Vật tư văn phòng**		**21.179.000**		
6551	Văn phòng phẩm		7.640.000		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ		9.389.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6553	Khoán văn phòng phẩm		3.165.000		
6599	Vật tư văn phòng khác		985.000		
6600	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**		**17.974.000**		
6601	Cước phí điện thoại trong nước		0		
6603	Cước phí bưu chính		0		
6605	Thuê bao internet		10.560.000		
6606	Tuyên truyền; quảng cáo		5.000.000		
6608	ấn phẩm truyền thông, sách, báo		614.000		
6618	Khoán điện thoại		1.800.000		
6650	**Chi hội nghị**		**580.000**		
6699	Chi phí hội nghị khác		580.000		
6700	**Chi công tác phí**		**34.170.000**		
6701	Tiền vé máy bay, tầu xe		270.000		
6702	Phụ cấp công tác phí		13.300.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		11.000.000		
6704	Khoán công tác phí		9.600.000		
6750	**Chi phí thuê mướn**		**0**		
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ		0		
6900	**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**10.610.000**		
6907	Nhà cửa		6.000.000		
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		1.810.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		2.800.000		
6950	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác**		**43.000.000**		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng		43.000.000		
7000	**Chi phí chuyên môn**		**49.301.220**		
7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động		49.201.220		
7049	Chi phí chuyên môn khác		100.000		
7750	**Chi khác**		**132.579.900**		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		5.746.900		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		0		
7761	Chi tiếp khách		17.400.000		
7764	Chi lập quỹ khen thưởng		107.933.000		
7799	Chi các khoản khác		1.500.000		
7850	**Chi cho công tác Đảng**		**15.600.000**		
7854	Chi thanh toán các khoản và chi đảng vụ khác		15.600.000		
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (loại 460-463)**	**533.460.000**	**35.000.000**	6,56	
1.3	**Kinh phí từ nguồn phí THA điều hòa**	**347.050.000**	**188.323.338**	54,26	
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**23.701.450**		
6501	Tiền điện		15.534.735		
6502	Tiền nước		2.439.315		
6503	Tiền nhiên liệu		5.727.400		
6550	**Vật tư văn phòng**		**52.500.000**		
6551	Văn phòng phẩm		17.070.000		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ		17.355.000		
6553	Khoán văn phòng phẩm		3.060.000		
6599	Vật tư văn phòng khác		15.015.000		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6600	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**		**16.241.588**		
6601	Cước phí điện thoại trong nước		2.530.178		
6603	Cước phí bưu chính		7.239.410		
6605	Thuê bao internet		4.856.000		
6608	ấn phẩm truyền thông, sách, báo		1.616.000		
6700	**Công tác phí**		**7.450.000**		
6701	Tiền vé máy bay, tầu xe		150.000		
6702	Phụ cấp công tác phí		4.900.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		2.400.000		
6900	**Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn**		**37.395.000**		
6901	Ô tô dùng chung		4.650.000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng		32.745.000		
7000	**Chi phí chuyên môn**		**2.400.000**		
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên môn		2.400.000		
7750	**Chi khác**		**48.635.300**		
7756	Chi các khoản phí và lệ phí		102.300		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		21.900.700		
7799	Chi các khoản khác		26.632.300		
2	**Nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ (loại 411)**	**125.000.000**	**58.495.250**	46,80	
2.1	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**125.000.000**	**58.495.250**		
6500	**Thanh toán dịch vụ công cộng**		**32.195.250**		
6503	Thanh toán tiền nhiên liệu		32.195.250		
6700	**Chi công tác phí**		**7.880.000**		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước tính thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6702	Phụ cấp công tác phí		2.880.000		
6703	Tiền thuê phòng ngủ		0		
6704	Khoán công tác phí		15.000.000		
7000	**Chi phí chuyên môn**		**18.420.000**		
7003	Chi mua, in ấn chỉ		0		
7049	Chi phí chuyên môn khác		18.420.000		

Nơi nhận:
- Lãnh đạo Cục;
-Trang thông tin điện tử của Cục THADS;
- Lưu VT, KT(Thu Hà).

Tuyên Quang, ngày 4 tháng 7 năm 2018

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Tuyên